

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-ST
Ngày 9-11-2018
v/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim;

2. Bà Nguyễn Thị Bình;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 9 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2018/TLST- DS, ngày 24/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2018/QĐST-DS ngày 8/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2018/QĐST-DS, ngày 23/10/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Bích N1**, sinh năm 1984. Có mặt.

Trú tại: Số 102 ĐBP, khu phố 5, thị trấn DT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Minh N2**, sinh năm 1977. Có mặt.

Trú tại: Số 30 TVD, tổ 11, khu phố 5, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

-Ông **Võ Văn Tr.** sinh năm 1980. Vắng mặt

Trú tại: Số 102 ĐBP, khu phố 5, thị trấn DT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Ông **Dương Thanh Q.** sinh năm 1975. Vắng mặt.

Trú tại: Số 30 TVD, tổ 11, khu phố 5, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2018, bản khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích N1 trình bày: Vào năm 2015 bà Võ Thị Minh N2 vay của bà N1 làm nhiều lần để về làm hạt điều cho gia đình, vay trả góp hàng tháng, lãi suất theo thỏa thuận 5%/tháng. Việc trả lãi trước đây cụ thể bao nhiêu, thời gian trả lãi bà N1 không còn nhớ, vì không có sổ theo dõi. Sau đó bà N2 không chịu trả, nên ngày 26/2/2016 hai bên gút lại số nợ, thì bà N2 còn nợ bà N1 số tiền 22.000.000 đồng, bà N2 có viết giấy nợ và cam kết trả lãi hàng tháng cho bà N1. Từ ngày viết giấy nợ, bà N2 có trả cho bà N1 được 10 tháng, với số tiền là 10.000.000 đồng (trả hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 3/2016). Nay bà N1 yêu cầu vợ chồng bà N2 trả số tiền gốc 22.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà N1 đồng ý việc Hội đồng xét xử điều chỉnh mức lãi suất theo quy định của pháp luật và trừ số tiền lãi mà N2 đã trả vượt quy định của pháp luật vào tiền gốc.

Chứng cứ do bà N1 đưa ra là: Giấy mượn tiền do bà N2 ghi vào ngày 26/2/2016.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Võ Thị Minh N2 trình bày: Đầu năm 2015, bà N2 bắt đầu vay tiền của bà N1, để làm hạt điều. Bà N2 vay gồm nhiều lần, vay với hình thức trả góp; cứ 10.000.000 đồng tiền gốc thì 01 ngày trả 200.000 đồng, trả trong vòng 55 ngày thành số tiền là 11.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi). Cứ trả hết đợt này thì vay đợt khác. Đến năm 2016, bà N2 không còn khả năng trả nợ, nên ngày

26/2/2016 bà N2 có viết giấy nợ cho bà N1 với số tiền là 22.000.000 đồng, trong đó bao gồm cả tiền lãi khoảng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, nhưng cụ thể bao nhiêu thì bà N2 không nhớ. Sau khi viết giấy nợ, bà N2 có trả cho bà N1 01 tháng là 1.000.000 đồng tiền gốc, cứ đúng ngày bà N2 nhận tiền lương thì trả, trả được 10 tháng liên tiếp. Nay bà N2 chấp nhận còn nợ bà N1 theo như yêu cầu của bà N1 tại phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia, nên không tiến hành hòa giải được.

Những tình tiết trong vụ án mà các bên đã thống nhất: Bà N2 có vay tiền của bà N1 và có lãi suất. Ngày 26/2/2016 bà N2 có viết giấy nợ cho bà N1 với số tiền 22.000.000 đồng. Từ tháng 3/2016 bà N2 bắt đầu trả 01 tháng là 1.000.000 đồng, trả liên tiếp trong 10 tháng.

Các tình tiết các bên không thống nhất: Số tiền 10.000.000 đồng, sau khi viết giấy ngày 26/2/2016, mỗi tháng bà N2 trả cho bà N1 1.000.000 đồng, trả liên tiếp trong 10 tháng, từ tháng 3/2016, theo bà N1 đây là số tiền lãi; còn theo bà N2 thì đây là số tiền gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là quan hệ- Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Về pháp luật áp dụng: Quan hệ dân sự xác lập từ năm 2016, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Võ Thị Minh N2 và ông Dương Thanh Q trả số tiền còn nợ vay 22.000.000 đồng, thì có căn cứ để chấp nhận một phần; vì những căn cứ sau đây: Vào ngày 26/2/2016 bà N2 thừa nhận còn nợ bà N1 số tiền 22.000.000 đồng, trong đó có khoảng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng tiền lãi, nhưng bà N2 không xác định rõ tiền lãi là bao nhiêu. Còn bà N1 cho rằng số tiền nợ do bà N2 viết trong giấy nợ ngày 26/2/2016 là tiền gốc. Do đó không có căn cứ để xác định trong số tiền 22.000.000 đồng, có từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là tiền lãi, theo như bà N2 khai, mà xác định đây là số tiền gốc. Sau khi viết giấy nợ ngày 26/2/2016, thì bà N2 trả hàng tháng cho bà N1, cứ mỗi tháng trả 1.000.000 đồng và trả đều trong 10 tháng (trả vào ngày cố định là ngày bà N2 nhận tiền lương), với số tiền là 10.000.000 đồng. Theo bà N2 số tiền này là trả tiền gốc, còn bà N1 thì cho rằng đây là tiền lãi. Tuy nhiên, khi vay hai bên đều thỏa thuận là vay có lãi, vì vậy số tiền mà bà N2 đã trả cho bà N1 sau khi viết giấy vay được tính là tiền lãi. Nhưng với số tiền gốc 22.000.000 đồng mà một tháng trả 1.000.000 đồng tiền lãi là quá cao (khoảng 4,55%/tháng). Nay bà N2 đồng ý điều chỉnh mức lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 là 1.125%/tháng là phù hợp. Bởi khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố (trong năm 2016 lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 0,75%/tháng $\times 150\% = 1.125\%$ /tháng). Vì vậy đối với số tiền lãi bà N2 đã trả vượt mức quy định 1,125%/tháng thì được trừ vào tiền gốc là phù hợp. Cụ thể tiền lãi đã trả trong 10 tháng từ ngày viết giấy vay, là thời gian từ ngày 26/2/2016 đến ngày 26/12/2016. Số tiền lãi trả lãi vượt quy định được trừ vào tiền gốc tính như sau:

Ngày 26/3/2016 trả 1.000.000 đồng gồm lãi 247.500 đồng, tiền lãi vượt quy định trừ vào gốc là 1.000.000 đồng – 247.500 đồng = 752.500 đồng, tiền gốc còn lại: 22.000.000 đồng – 752.500 đồng = 21.247.500 đồng.

Ngày 26/4/2016 trả 1.000.000 đồng gồm lãi 239.034 đồng, tiền lãi trả vượt quy định được trừ vào gốc là 1.000.000 đồng – 239.034 đồng = 760.965 đồng, tiền gốc còn lại: 21.247.500 đồng – 760.965 đồng = 20.486.535 đồng

.
.

.

Ngày 26/12/2016 trả 1.000.000 đồng gồm tiền lãi 167.789 đồng, tiền lãi vượt quá quy định được trừ vào tiền gốc là 1.000.000 đồng – 167.789 đồng = 832.211 đồng, tiền gốc còn lại là 14.914.600 đồng – 832.211 đồng = 14.082.000 đồng (làm tròn số).

[4] Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 26/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (9/11/2018) là 22 tháng 13 ngày, cụ thể như sau:

$(14.082.000đ \times 1,125\%) \times (22 \text{ tháng} + 13/30) = 3.574.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

[5] Qua nhận định trên buộc bà N2 và ông Q phải trả cho bà N1 và ông Tr số tiền nợ gốc còn lại là 14.082.000 đồng và tiền lãi là 3.550.000 đồng.

[6] Về án phí: Bà N2 và ông Q phải chịu án phí phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà N1.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Võ Thị Minh N2 và ông Dương Thanh Q phải trả cho bà Huỳnh Thị Bích N1 và ông Võ Văn Tr số tiền 17.632.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm

ba mươi hai ngàn đồng), trong đó tiền gốc 14.082.000 đồng và tiền lãi 3.550.000 đồng.

Kể từ ngày bà N1 và ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N2 và ông Q chậm trả số tiền trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Minh N2 và ông Dương Thanh Q phải chịu 881.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Huỳnh Thị Bích N1 679.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018723 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 9/11/2018; ông Võ Văn Tr và ông Dương Thanh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái